

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Chiến lược hoàn thiện pháp luật ngành Công Thương
giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Chặng đường 40 năm đổi mới của đất nước kể từ năm 1986, gắn với 08 kỳ Đại hội Đảng, ba lần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp (ban hành Hiến pháp 1992; sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 và ban hành Hiến pháp năm 2013), Bộ Công Thương và các Bộ tiền nhiệm đã góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi kinh tế, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với bối cảnh mới, phù hợp với các cam kết quốc tế. Tính đến nay, Bộ Công Thương và các Bộ tiền nhiệm đã tham mưu Chính phủ trình cấp có thẩm quyền thông qua 20 Luật, 02 Nghị quyết của Quốc hội; 07 Pháp lệnh; trình ban hành/ban hành theo thẩm quyền gần 1.500 văn bản QPPL dưới luật liên quan đến lĩnh vực công nghiệp và thương mại nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ. Trong đó, trên 500 văn bản QPPL đang có hiệu lực pháp luật tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc cho định hướng chủ trương xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được hoàn thiện đồng bộ theo ba trụ cột lớn là thương mại – cạnh tranh, công nghiệp và năng lượng.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đã đạt được, hệ thống pháp luật ngành Công Thương còn tồn tại một số hạn chế, bất cập về số lượng, nội dung, phương pháp và kỹ thuật soạn thảo trong quá trình xây dựng, ban hành.

Trước yêu cầu tăng trưởng hai con số và các đòi hỏi phát triển bứt phá vào các mốc lịch sử 100 năm của Đảng, của Đất nước, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương đã thảo luận và thống nhất ban hành Chiến lược hoàn thiện pháp luật ngành Công Thương đến 2030, tầm nhìn đến 2045 với nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CỦA CHIẾN LƯỢC

1. Công tác xây dựng và thi hành pháp luật dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng với ưu tiên cao nhất là thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, coi đây là "đột phá của đột phá" trong phát triển đất nước.

2. Đổi mới mạnh mẽ tư duy lập pháp từ "quản lý nhà nước" sang "kiến tạo phát triển", lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

3. Thể chế, pháp luật ngành Công Thương đơn giản hóa về cấu trúc; đầy đủ về số lượng, có chất lượng cao; phát huy vai trò dẫn dắt của kinh tế nhà nước, giải phóng sức sản xuất, sáng tạo của kinh tế tư nhân, kết nối mạnh mẽ với kinh tế có

vốn đầu tư nước ngoài; có tính ổn định, dự báo cao và trở thành lợi thế cạnh tranh quốc gia.

4. Xây dựng hệ sinh thái thể chế pháp luật ngành Công Thương tuần hoàn, chặt chẽ giữa xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành nghiêm minh, đồng bộ trong thực tiễn.

II. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Đến năm 2030

- Từng bước tạo lập đầy đủ khung khổ pháp lý bảo vệ hiệu quả quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền tự do sáng tạo, đổi mới, thúc đẩy khoa học công nghệ kết hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

- Trực tiếp phục vụ thiết thực các nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược, đột phá của ngành Công Thương trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 – 2030.

- Đồng bộ và trở thành một bộ phận quan trọng của Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

2. Đến năm 2045

Hệ thống pháp luật Ngành Công Thương kiến tạo phát triển, có sức cạnh tranh cao ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, phù hợp với tầm vóc của nền kinh tế đất nước trong kỷ nguyên mới.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CHUNG

1. Chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, quản trị bằng dữ liệu và rủi ro

a) Việc hoàn thiện pháp luật ngành Công Thương phải chuyển trọng tâm từ tiền kiểm sang hậu kiểm đối với các lĩnh vực có thể đo lường, giám sát, truy xuất và xử lý bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn, tự công bố, dữ liệu giao dịch, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm giải trình và chế tài. Tiền kiểm chỉ được duy trì có chọn lọc đối với lĩnh vực rủi ro cao liên quan trực tiếp đến an toàn, sức khỏe cộng đồng, hoặc các biện pháp can thiệp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, nhất là an ninh năng lượng, bảo đảm duy trì trật tự thị trường.

b) Hệ thống thể chế, pháp luật thực hiện vai trò quản lý nhà nước theo hướng quản trị theo rủi ro, ứng dụng mạnh mẽ khoa học dữ liệu dựa trên dữ liệu lớn tích hợp, chia sẻ liên thông, dùng chung theo định danh số và lịch sử tuân thủ.

2. Áp dụng linh hoạt cam kết quốc tế trong hoàn thiện thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh

a) Chủ động nghiên cứu áp dụng các ngoại lệ và các dự địa chính sách hợp pháp trong các hiệp định thương mại tự do, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe, môi trường, an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, đồng thời áp dụng minh bạch, không phân biệt đối xử.

b) Nâng cao năng lực pháp lý trong đàm phán, thực thi và xử lý tranh chấp quốc tế; chuyển từ tư duy tuân thủ bị động sang chủ động thiết kế không gian

chính sách phù hợp với quyền, nghĩa vụ và lợi ích của Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT THEO LĨNH VỰC

1. Định hướng chiến lược pháp luật thương mại: thể chế hóa chủ trương của Đảng trong đảm bảo khuôn khổ pháp lý rộng mở, thông thoáng bảo vệ quyền tự do thương mại cho tất cả các loại hình thương mại mới, hình thành trong tương lai; thúc đẩy hoạt động ngoại thương mở rộng, cân bằng và bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng; bảo vệ thị trường, sản phẩm, doanh nghiệp Việt Nam không trái với các cam kết quốc tế phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế; tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng.

a) Vị trí

(1) thuộc nhóm pháp luật về lĩnh vực phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(2) có xu hướng quy phạm pháp luật tư và phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tinh thần, nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Dân sự; sự can thiệp của Nhà nước chỉ để bảo vệ bên yếu thế trong giao dịch, vì lợi ích công cộng theo quy định của Điều 15 Hiến pháp. Hệ thống pháp luật này gồm: các chế định trong thương mại nội địa, thương mại quốc tế, các phương thức, hạ tầng thương mại truyền thống, hiện đại, các dịch vụ kết nối liên thông chuỗi cung ứng và các hoạt động xúc tiến phát triển thương mại.

(3) trực tiếp bảo đảm quyền cộng dân, quyền tự do kinh doanh, chế độ kinh tế quy định của Hiến pháp.

(4) có tính liên thông cao với quốc tế, thường xuyên nội luật hóa điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Vai trò: định hình các khái niệm quan trọng, cơ bản của các hoạt động thương mại; các hạ tầng, phương thức, mô hình hoạt động thương mại; các hoạt động thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại; các hoạt động bảo vệ trật tự thương mại và bảo vệ người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

2. Định hướng chiến lược pháp luật cạnh tranh: thể chế hóa chủ trương của Đảng trong tạo lập, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh; chống độc quyền và các hành vi hạn chế cạnh tranh hiệu quả, thực chất; đảm bảo tính độc lập tương đối của pháp luật cạnh tranh, cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh với các pháp luật khác có liên quan.

a) Vị trí

(1) thuộc nhóm pháp luật về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(2) là quy phạm pháp luật công và một trong những luật trung tâm của pháp luật về kinh doanh và pháp luật cạnh tranh của Việt Nam; đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc về quản lý nhà nước, bảo vệ trật tự công và lợi ích chung của xã hội.

(3) trực tiếp đảm bảo quyền tự do cạnh tranh công bằng của mọi thành phần kinh tế và chế độ kinh tế và trực tiếp cụ thể hóa Điều 51 Hiến pháp.

(4) có tính liên thông với quốc tế, thường xuyên nội luật hóa điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Vai trò

Là pháp luật điều chỉnh “*một trong ba yếu tố cơ bản của nền kinh tế thị trường*” trong đó định hình các khái niệm về các hành vi phản cạnh tranh; kiểm soát tập trung kinh tế; các thiết chế thi hành luật cạnh tranh; quy trình tố tụng cạnh tranh; chế tài trong xử lý vụ việc cạnh tranh.

3. Định hướng chiến lược pháp luật công nghiệp: thể chế hóa mạnh mẽ chủ trương của Đảng trong phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp trọng điểm thông qua thúc đẩy, hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh trong công nghiệp; đẩy mạnh tự chủ chiến lược sản xuất công nghiệp trong các ngành lĩnh vực trọng yếu.

a) Vị trí

(1) thuộc nhóm pháp luật về lĩnh vực phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(2) là pháp luật chuyên ngành. Hệ thống pháp luật này gồm: phát triển công nghiệp trọng điểm (theo từng giai đoạn); công nghiệp hỗ trợ; không gian công nghiệp (khu, cụm...), an toàn môi trường công nghiệp, cơ chế chính sách đặc thù cho các dự án, cơ sở công nghiệp quan trọng quốc gia. Trong đó, xây dựng Luật Công nghiệp trọng điểm là nòng cốt, mang tính chi phối, thiết lập các nguyên tắc, định hướng chung.

Dựa trên nền tảng của Luật này, các luật chuyên ngành và luật đặc thù khác sẽ cụ thể hóa các cơ chế quản lý, phát triển cho từng đối tượng, lĩnh vực chuyên biệt, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và không chồng chéo.

(3) là quy phạm pháp luật mang tính chất công;

(4) là pháp luật không trực tiếp đảm bảo quyền công dân, quyền tự do kinh doanh quy định của Hiến pháp, nhưng chứa đựng tính chất đặc thù của từng ngành nhằm đảm bảo các nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp.

b) Vai trò

- Định hình các khái niệm quan trọng, cơ bản đặc thù ngành công nghiệp; các mô hình đầu tư, kinh doanh đặc thù; các chính sách đặc biệt của nhà nước thúc đẩy phát triển các ngành đó.

- Pháp luật về công nghiệp là luật chuyên ngành theo xu hướng quy phạm pháp luật công trong đó có các yêu cầu về quản lý nhà nước, điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính. Trong đó, sự can thiệp của Nhà nước được thể chế hóa vì các lý do quản lý đối với ngành, lĩnh vực mà sự phát triển của các ngành đó có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh kinh tế, an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, hạ tầng kinh tế - công nghiệp quan trọng.

4. Định hướng chiến lược pháp luật về năng lượng: thể chế hóa chủ trương của Đảng trong đảm bảo an ninh năng lượng cho nền kinh tế trong mọi tình huống; có khuôn khổ pháp lý cho thị trường năng lượng vận hành theo cơ chế thị trường; tạo hành lang pháp lý khuyến khích, thúc đẩy khai thác tiềm năng mọi loại hình năng lượng nhất là năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng xanh;

a) Vị trí

(1) thuộc nhóm pháp luật về lĩnh vực phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và một phần thuộc nhóm lĩnh vực pháp luật về an ninh quốc gia.

(2) là pháp luật chuyên ngành. Hệ thống pháp luật này gồm: năng lượng sơ cấp (dầu khí, năng lượng tái tạo, các nguồn năng lượng sơ cấp khác phát sinh trong tương lai); năng lượng thứ cấp (thị trường điện, thị trường năng lượng...); cơ chế chính sách đặc thù cho các dự án, cơ sở hạ tầng năng lượng quan trọng quốc gia.

(3) là pháp luật có xu hướng quy phạm pháp luật công;

(4) Là pháp luật không trực tiếp đảm bảo quyền công dân, quyền tự do kinh doanh quy định của Hiến pháp, nhưng có vai trò xác định các tính chất đặc thù của từng ngành nhằm đảm bảo các nghĩa vụ của công dân tại khoản 4 Điều 15 Hiến pháp; trực tiếp đảm bảo thực hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân trong phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên thiên nhiên, chế độ kinh tế quy định tại các điều 50, 51, 52, 53, 63 Hiến pháp.

b) Vai trò

Định hình các khái niệm chuyên ngành; các mô hình sản xuất, kinh doanh đặc thù; các cơ chế bảo vệ, quản lý, phát triển năng lượng quốc gia; cơ chế dự trữ chiến lược và an ninh năng lượng.

Pháp luật về năng lượng là luật chuyên ngành theo xu hướng luật công trong đó có các yêu cầu về quản lý nhà nước, điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính. Trong đó, sự can thiệp của Nhà nước được thể chế hóa vì các lý do quản lý đối với ngành, lĩnh vực mà sự phát triển của các ngành đó có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh kinh tế, an ninh quốc phòng; trật tự an toàn xã hội, hạ tầng năng lượng quan trọng. Trong đó, pháp luật trong ngành, lĩnh vực này sẽ được ưu tiên áp dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động của các chủ thể trong ngành.

V. GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giải pháp về cấu trúc hệ thống pháp luật ngành Công Thương

a) Giai đoạn 2026 - 2030, tiếp tục duy trì cấu trúc hệ thống văn bản hiện hành nhưng từng bước chuyển đổi hình thức văn bản theo định hướng mới:

- Hạn chế đề xuất nghị quyết chứa quy phạm pháp luật; thay thế nghị quyết có đối tượng rộng bằng luật, nghị quyết có đối tượng hẹp bằng luật đặc thù khi đủ điều kiện; chuyển các nghị quyết của Chính phủ thành nghị định hoặc luật.

- Chấm dứt tình trạng nghị định không đầu.

- Thay thế quyết định của Bộ trưởng bằng Thông tư hoặc bãi bỏ khi không còn cần thiết.

b) Giai đoạn 2031 - 2036, tầm nhìn đến năm 2045, hình thành cấu trúc gồm:

- Luật ngành, lĩnh vực và luật đặc thù;

- Pháp lệnh chỉ đề xuất trong trường hợp đúng thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Nghị định chỉ quy định chi tiết nội dung được giao, phân đầu một luật không quá một nghị định thi hành, trừ luật khung;

- Thông tư của Bộ trưởng chỉ quy định nội dung được giao, hồ sơ, thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn, phân cấp và thực hiện nhiệm vụ được phân cấp; không quy định điều kiện kinh doanh hoặc nội dung giao thoa thẩm quyền của bộ, ngành khác.

2. Giải pháp về nội dung theo lĩnh vực

2.1. Pháp luật về thương mại

a) Yêu cầu, nguyên tắc cơ bản

Thứ nhất, các quy phạm pháp luật mang tính chất luật tư được xây dựng trên nền tảng tôn trọng, bảo vệ, phát huy tối đa tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo của người dân, doanh nghiệp.

Thứ hai, phát huy tối đa vai trò động lực quan trọng nhất của kinh tế tư nhân theo tinh thần của Nghị quyết số 68-NQ/TW.

Thứ ba, hạn chế tối đa quy định điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính. Số hóa toàn diện các công cụ quản lý để quản lý bằng dữ liệu, chuyển đổi triệt để từ tư duy “quản lý nhà nước” sang “kiến tạo phát triển”.

Thứ tư, các quy phạm pháp luật mang tính chất luật công chiếm tỉ lệ rất hạn chế, trừ trường hợp để bảo vệ bên yếu thế trong giao dịch tại pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; được thiết kế chặt chẽ, linh hoạt, bảo đảm thực hiện tốt chức năng trao thẩm quyền đủ mạnh cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước đi kèm với việc kiểm soát, ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước luôn vận hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì lợi ích quốc gia, thúc đẩy sự phát triển của mọi hoạt động thương mại.

b) Lộ trình

- *Giai đoạn 2026-2030*: Triển khai thực hiện các nhiệm vụ lập pháp thuộc Chương trình lập pháp năm 2026 và Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI được Bộ Chính trị thông qua tại Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026, gồm:

(1) Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Thương mại, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Cạnh tranh và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; nghiên cứu, sửa đổi Luật Thương mại (lần 2);

(2) Nghiên cứu, sửa đổi Luật Quản lý ngoại thương (lần 2);

- (3) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Giao dịch hàng hóa phái sinh;
- (4) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật quản lý thị trường (thay cho Pháp lệnh quản lý thị trường năm 2016);
- (5) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Phòng vệ thương mại.
- (6) Nghiên cứu, từng bước bãi bỏ từng phần và toàn bộ Luật Thương mại và nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực thương mại như:
 - (i) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật về Khuyến khích phát triển hạ tầng thương mại;
 - (ii) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Xúc tiến thương mại;

- *Giai đoạn 2031-2035, tầm nhìn đến 2045:*

- (1) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Khuyến khích, bảo tồn và phát triển thương mại truyền thống;
- (2) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật về Thương mại số hoặc nâng cấp Luật Thương mại điện tử;
- (3) Thương mại trong nước:

+ Hoàn thiện pháp luật thương mại theo hướng thu gọn đầu mỗi pháp luật có quy định về hoạt động thương mại hàng hóa, dịch vụ để giảm thiểu tối đa rào cản cho lưu thông trong nước.

+ Hoàn thiện hoạt động quản lý nhà nước thông qua các tiêu chuẩn, quy chuẩn minh bạch; kiểm tra, kiểm soát thông qua ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc; lấy bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các hình thái giao dịch và an toàn dữ liệu người dùng là căn bản để thúc đẩy niềm tin tiêu dùng và sức mua nội địa.

+ Sử dụng mạnh mẽ sandbox trong hoàn thiện pháp luật để phù hợp với tiến trình đổi mới công nghệ, các hình thái công nghệ mới trong thương mại.

(4) Thương mại quốc tế:

+ Tiếp tục hoàn thiện pháp luật quản lý theo hướng thu gọn đầu mỗi pháp luật; đồng bộ hóa các trình tự, thủ tục có quy định về hoạt động quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu đang được quy định rải rác tại 18 pháp luật chuyên ngành.

+ Đẩy mạnh áp dụng cơ chế “luồng xanh” cho doanh nghiệp tuân thủ tốt thông qua quản trị dữ liệu giao dịch kết nối liên thông, chia sẻ dùng chung.

+ Nghiên cứu, hoàn thiện các công cụ đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng, bảo vệ thương mại lành mạnh phù hợp tình hình phát triển của sản xuất trong nước.

+ Cập nhật các xu hướng mới theo tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là đối với các giao dịch xuyên biên giới.

2.2. Pháp luật về cạnh tranh

a) Yêu cầu, nguyên tắc cơ bản

Thứ nhất, các quy phạm pháp luật mang tính chất luật công được thiết kế chặt chẽ, bảo đảm thực hiện tốt chức năng trao thẩm quyền đủ mạnh cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước đi kèm với việc kiểm soát, ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước luôn vận hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì lợi ích quốc gia, thúc đẩy sự phát triển của các thành phần kinh tế một cách công bằng, bình đẳng.

Thứ hai, thể chế hóa vai trò của pháp luật cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường trong tăng cường vị thế, vai trò độc lập tương đối của cơ quan cạnh tranh trong nền kinh tế; chế tài nghiêm minh, có sức răn đe lớn; đẩy mạnh giám sát cạnh tranh phù hợp tình hình thực tiễn.

Thứ ba, phạm vi điều chỉnh xuyên biên giới để ngăn cản các mối đe dọa tính cạnh tranh từ bên ngoài “từ sớm từ xa”.

Thứ tư, kiên định quan điểm “tự chủ, tự cường” và an ninh kinh tế dài hạn của đất nước trong kiểm soát việc hình thành các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh.

b) Lộ trình

- *Giai đoạn 2026-2030*: Triển khai nhiệm vụ lập pháp thuộc Chương trình lập pháp năm 2026 và Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI được Bộ Chính trị thông qua tại Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026, gồm:

(1) Tập trung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cạnh tranh (dự kiến trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 2/2026), trong đó tập trung giải quyết các vấn đề hạn chế liên quan đến nền tảng số, đồng thời, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh.

(2) Tổ chức thực hiện mạnh mẽ luật hiện hành để có cơ sở thực tiễn nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các chế định pháp lý chuyên sâu của pháp luật cạnh tranh theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế, bao gồm: kiểm soát tập trung kinh tế, kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, cũng như các cơ chế thực thi như điều tra, xử lý vi phạm, cơ chế miễn trừ và khoan hồng. Đồng thời, nâng cao tính độc lập, chuyên nghiệp của cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh, hoàn thiện chế định tổ tụng cạnh tranh đặc thù.

- Giai đoạn 2031- 2035

(1) Hoàn thiện khung pháp lý về cạnh tranh đối với các công nghệ mới nổi như Trí tuệ nhân tạo (AI), kinh tế chia sẻ và dữ liệu xuyên biên giới dựa trên thực tiễn thi hành giai đoạn trước.

(2) Tăng cường ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng và thực thi pháp luật cạnh tranh, đặc biệt trong việc phát hiện hành vi vi phạm, phân tích thị trường và dự báo xu hướng cạnh tranh trong nền kinh tế số.

(3) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật cạnh tranh, tham gia sâu hơn vào các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu, góp phần nâng cao năng lực thể chế và bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Tầm nhìn đến năm 2045*

(i) Hoàn thiện hệ thống pháp luật cạnh tranh theo hướng tiệm cận và tương đồng với các chuẩn mực quốc tế, đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch và phù hợp với các cam kết quốc tế thế hệ mới, bảo đảm sự bình đẳng thực chất giữa các thành phần kinh tế;

(ii) Tái cấu trúc hệ thống quy phạm pháp luật liên quan đến cạnh tranh theo hướng tập trung, thống nhất. Phân định rõ phạm vi điều chỉnh, tiến tới tập hợp và pháp điển hóa các quy định cốt lõi về cạnh tranh tại các luật chuyên ngành.

2.3. Pháp luật về công nghiệp

a) Yêu cầu, nguyên tắc cơ bản

Thứ nhất, các quy phạm pháp luật mang tính chất luật công được thiết kế chặt chẽ, bảo đảm thực hiện tốt chức năng trao thẩm quyền đủ mạnh cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước đi kèm với việc kiểm soát, ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước luôn vận hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì lợi ích quốc gia, thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp. Tăng cường phân cấp, phân quyền hợp lý, rành mạch giữa các cấp, các ngành trong quản lý phát triển công nghiệp.

Thứ hai, bảo đảm vai trò kiến tạo, dẫn dắt của pháp luật thông qua cách tiếp cận “một gói, một cửa” từ quy hoạch, đầu tư, hạ tầng, xây dựng, vận hành và thương mại hóa trước những phát triển mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và các lĩnh vực mới khác của đời sống kinh tế - xã hội, (nhất là những ngành, lĩnh vực pháp luật gắn liền với quá trình chuyển đổi kép “xanh, số”).

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ tư duy quản lý theo hướng: giảm tiền kiểm thông qua việc quyết liệt cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đồng thời tăng cường hậu kiểm thông qua việc ban hành, quản lý chặt chẽ bằng hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghiệp hiện đại.

Thứ tư, thể chế hóa rõ nét định hướng phát triển các thành phần kinh tế trong công nghiệp: phát huy kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt các chuỗi giá trị ở những khâu trọng yếu, nền tảng. Đồng thời, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, chú trọng hình thành và phát triển các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân đủ sức cạnh tranh quốc tế, theo mô hình “đàn sếu bay”.

Thứ năm, linh hoạt về việc nội địa hóa thông qua ban hành cơ chế, chính sách “khuyến khích nội địa hóa” như hỗ trợ năng lực R&D, chuyển giao công nghệ, phát triển công nghiệp hỗ trợ, đổi mới công nghệ, tiêu chuẩn xanh, năng suất, chất lượng, mức độ tham gia chuỗi cung ứng; mua sắm công, đấu thầu; chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, cụm liên kết ngành, tiêu chuẩn hóa chuỗi cung ứng; quy tắc xuất xứ.

b) Lộ trình

- *Giai đoạn 2026 - 2030*: Triển khai thực hiện các nhiệm vụ lập pháp thuộc Chương trình lập pháp năm 2026 và Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI được Bộ Chính trị thông qua tại Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026.

(1) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Công nghiệp trọng điểm theo hướng là đạo luật giữ vai trò chi phối và dẫn dắt toàn bộ lĩnh vực công nghiệp. Các Luật khác được ban hành là Luật đặc thù, mang tính khuyến khích, ưu đãi chuyên sâu vào các ngành, lĩnh vực cụ thể.

(2) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật (hoặc Nghị quyết) của Quốc hội về các cơ chế, chính sách đặc thù cho Trung tâm, Tổ hợp ngành công nghiệp bột - alumin - nhôm nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Kết luận số 18-KL/TW và thể chế hóa định hướng phát triển kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị.

(3) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật về khuyến khích, phát triển không gian liên kết công nghiệp/ hoặc Luật phát triển hạ tầng công nghiệp.

(4) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng dự án Luật khuyến khích, phát triển công nghiệp – tiêu thụ công nghiệp

(5) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật về cơ chế, chính sách thí điểm phát triển ngành công nghiệp bán dẫn.

(6) Rà soát Luật Địa chất và Khoáng sản để nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Khoáng sản đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào bền vững cho các ngành công nghiệp nền tảng.

- *Giai đoạn 2031 – 2035, tầm nhìn 2045*

Nghiên cứu, đề xuất xây dựng, ban hành các đạo luật mang tính kiến tạo và thí điểm cho phép triển khai nhanh các mô hình kinh doanh mới, công nghệ đột phá mà không cần điều chỉnh Luật Công nghiệp trọng điểm. Các Luật này bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung:

(1) Luật khuyến khích phát triển công nghiệp robot, nhà máy thông minh;

(2) Luật khuyến khích sản xuất thiết bị, phương tiện tự hành.

2.4. Pháp luật về năng lượng

a) Yêu cầu, nguyên tắc cơ bản

Thứ nhất, các quy phạm pháp luật mang tính chất luật công được thiết kế chặt chẽ, bảo đảm thực hiện tốt chức năng trao thẩm quyền đủ mạnh cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước đi kèm với việc kiểm soát, ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước luôn vận hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì lợi ích quốc gia.

Thứ hai, thể chế hóa rõ nét định hướng phát huy kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt các chuỗi giá trị ở những khâu trọng yếu, nền tảng để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Đồng thời, khuyến khích, tạo điều kiện thuận

lợi để phát triển kinh tế tư nhân tham gia vào các công đoạn của thị trường năng lượng.

Thứ hai, bảo đảm vai trò nền tảng pháp lý của pháp luật chuyên ngành ưu tiên áp dụng từ quy hoạch, đầu tư, hạ tầng, xây dựng, vận hành và thương mại hóa trước những phát triển mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và các lĩnh vực mới khác của đời sống kinh tế - xã hội, (nhất là những ngành, lĩnh vực pháp luật gắn liền với quá trình chuyển đổi kép “xanh, số”).

b) Lộ trình

- *Giai đoạn 2026-2030*: Triển khai thực hiện các nhiệm vụ lập pháp thuộc Chương trình lập pháp năm 2026 và Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI được Bộ Chính trị thông qua tại Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026, gồm: (1) Sửa đổi, bổ sung Luật Điện lực; (2) Luật Dầu khí (sửa đổi) (dự kiến trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI).

(1) Sửa đổi, bổ sung Luật Điện lực;

(2) Luật Dầu khí (sửa đổi);

(3) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật hoặc Nghị quyết của Quốc hội (chỉ áp dụng trong năm 2026) quy định cơ chế đặc thù, đột phá và hình thành các Trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia/ cơ chế, chính sách đặc thù, thí điểm phát triển Trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia;

Từ năm 2027, không áp dụng hình thức Nghị quyết của Quốc hội hoặc Nghị định “không đầu” đối với các chính sách đặc thù, thí điểm như đã nêu trên.

- *Giai đoạn 2031-2035, tầm nhìn đến 2045*:

(1) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật về Năng lượng Quốc gia/Luật về Chính sách an ninh năng lượng.

(2) Nghiên cứu, rà soát Luật Dầu khí để xem xét, sửa đổi Luật Dầu khí phù hợp với bối cảnh mới.

2.5. Pháp luật về chuyển đổi kép “Xanh – Số” và các hình thức kinh tế mới

Nghiên cứu, xây dựng quy định theo hướng lồng ghép, cụ thể hóa các chế định trên vào hệ thống pháp luật ngành Công Thương nhằm đảm bảo tính đặc thù, chuyên sâu gắn với chuỗi giá trị tuần hoàn đối với 05 nhóm chế định pháp luật sau:

(1) Hoàn thiện thể chế hỗ trợ chuyển đổi xanh trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và thương mại;

(2) Hoàn thiện thể chế thúc đẩy ứng dụng chuyển đổi số, phát triển kinh tế dữ liệu trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và thương mại;

(3) Hoàn thiện thể chế thúc đẩy ứng dụng nghiên cứu – phát triển (R&D), nâng cấp, chuyển đổi công nghệ trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và thương mại.

(4) Hoàn thiện thể chế cho kinh tế tầm thấp, kinh tế đêm, kinh tế tuần hoàn

(5) Hoàn thiện thể chế về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox); cơ chế “làn xanh – luồng xanh” ưu tiên do doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ tốt.

2.6. Hoàn thiện thể chế tổ chức bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân

a) Yêu cầu, nguyên tắc cơ bản

Thứ nhất, thể chế tổ chức bộ máy của Bộ, ngành Công Thương đảm bảo “tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”.

Thứ hai, pháp luật ngành Công Thương quán triệt nguyên tắc: “một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện”.

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phải gắn với kiểm soát quyền lực, phân bổ nguồn lực và nâng cao năng lực thực thi. Việc giao thẩm quyền cho địa phương phải bảo đảm địa phương có quyền quyết định thực chất và chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện trên địa bàn, gắn với cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số, nhằm giảm tối đa khâu trung gian, nâng cao tính minh bạch, rút ngắn thời gian xử lý.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát giữa trung ương và địa phương. Theo đó, bảo đảm theo dõi thi hành pháp luật sau phân cấp, phân quyền thực hiện trực tiếp và trực tuyến theo mô hình theo dõi số hóa, liên thông, dựa trên dữ liệu, có khả năng cảnh báo sớm và xử lý kết quả theo dõi; dữ liệu thực thi là đầu vào trực tiếp cho công tác xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện pháp luật của Trung ương.

b) Lộ trình

- Giai đoạn 2026-2030:

- Hoàn thiện pháp luật về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước của ngành Công Thương:

(1) Rà soát, hoàn thiện toàn bộ pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương để thực hiện ổn định phân cấp, phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính đảm bảo có hiệu lực thi hành trước ngày 1 tháng 3 năm 2027;

(2) Rà soát Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật ngành Công Thương liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương và chính quyền địa phương.

- Hoàn thiện phạm vi quản lý nhà nước, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phân định chức năng, nhiệm vụ và phối hợp liên thông giữa Bộ Công Thương với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương:

(1) Rà soát toàn diện pháp luật ngành Công Thương để khoanh vùng phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Công Thương để thiết kế lại thẩm quyền, trách

nhiệm, quy trình phối hợp và cơ chế kiểm soát giữa trung ương - địa phương - cơ sở trong ngành, lĩnh vực;

(2) Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 40/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

(3) Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 37/2025/TT-BCT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã) thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Giai đoạn 2031-2035, tầm nhìn đến 2045

Mục tiêu đến năm 2045, Bộ, ngành Công Thương có bộ máy tinh gọn, số hóa toàn diện, quản trị dự báo, thông minh.

2.7. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, chế tài xử lý và giải quyết tranh chấp

a) Yêu cầu, nguyên tắc cơ bản

Thứ nhất, đánh giá toàn diện những bất cập phát sinh sau phân cấp, phân quyền về thẩm quyền của trung ương và địa phương; tính tương thích giữa chế tài và thẩm quyền; tính đầy đủ của pháp luật xử lý và pháp luật nội dung.

Thứ hai, nghiên cứu cơ chế xử lý vi phạm phù hợp hơn với các hành vi mới trong thương mại điện tử, kinh tế số, bảo vệ người tiêu dùng trên nền tảng số, cạnh tranh trên môi trường số, gian lận xuất xứ, gian lận thương mại xuyên biên giới; trong đảm bảo an ninh năng lượng; trong gian lận về cơ chế chính sách ưu đãi trong công nghiệp.

Thứ ba, đề xuất hoàn thiện biện pháp khắc phục hậu quả trong các lĩnh vực đặc thù như điện lực, hóa chất, xăng dầu; vật liệu nổ công nghiệp..., để bảo đảm tính răn đe và phục hồi trật tự quản lý.

Thứ tư, nghiên cứu khả năng tăng cường ứng dụng số trong lập biên bản, quản lý quyết định xử phạt, theo dõi thi hành quyết định xử phạt và chia sẻ dữ liệu vi phạm giữa Bộ ngành và địa phương.

b) Lộ trình

- Giai đoạn 2026-2030:

(1) Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện Pháp lệnh Quản lý thị trường;

(2) Rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy định chế tài (các quy phạm xác định hành vi vi phạm, biện pháp xử lý chủ yếu được tập trung tại Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính);

(3) Rà soát, hoàn thiện toàn bộ các lĩnh vực xử phạt hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ với Luật Xử lý vi phạm hành chính (mới).

- Giai đoạn 2031-2035, tầm nhìn đến 2045:

(1) Mục tiêu đến năm 2045, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bao quát đầy đủ và có chế tài xử lý nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm.

(2) Hoạt động xử lý vi phạm được số hóa toàn diện, tổ chức thành cơ sở dữ liệu và liên thông với các cơ sở dữ liệu có liên quan khác để đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp hoàn toàn trên môi trường số.

(3) Hoạt động kiểm tra, xử lý thực hiện hoàn toàn trên môi trường số khép kín từ phát hiện, truy vết, lập biên bản, xử lý, nộp phạt...

3. Giải pháp đảm bảo thực hiện

3.1. Quán triệt, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy của cấp ủy, người đứng đầu trong công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, thể chế

a) Thống nhất nhận thức công tác xây dựng VBQPPL là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu, là một trong ba đột phá chiến lược của Bộ Công Thương.

b) Bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng, hoàn thiện pháp luật ngành Công Thương. Thống nhất nhận thức việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật là nhiệm vụ của mỗi cán bộ, công chức trong đó Bí thư cấp ủy, cấp ủy viên phải gương mẫu, đi đầu; đảng viên, công chức phải gương mẫu trong chấp hành và tuân thủ pháp luật, lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp, pháp luật.

c) Đầu tư cho công tác tham mưu xây dựng pháp luật là “đầu tư cho phát triển” để pháp luật phải “tốt trong cuộc sống” và có sức cạnh tranh quốc tế; nguồn nhân lực cho công tác tham mưu xây dựng pháp luật là then chốt, là yếu tố quyết định chất lượng của toàn bộ quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

d) Xây dựng văn hóa thượng tôn Hiến pháp, pháp luật tại cơ quan, đơn vị; quán triệt quan điểm “người dân, doanh nghiệp được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” và “cán bộ, công chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép”.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật và các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

3.2. Bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, nhất quán và xuyên suốt trong xây dựng và thi hành pháp luật

a) Lập Chương trình, Kế hoạch rõ trách nhiệm, tiến độ và nguồn lực

Công tác xây dựng pháp luật phải được thực hiện theo chương trình, kế hoạch được phê duyệt, xác định rõ trách nhiệm, tiến độ và nguồn lực. Đối với văn bản có hiệu lực cao, tác động lớn, cần có “lộ trình sống” từ đề xuất, soạn thảo, ban hành đến tổ chức thi hành để tránh bị động, quá tải cục bộ.

b) Thực hiện cơ chế nghiên cứu tiền lập pháp, nâng cao chất lượng đề xuất chính sách

Việc xây dựng văn bản phải bắt đầu từ tổng kết thực tiễn, khảo sát, rà soát chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và tham khảo kinh nghiệm quốc tế. Trọng tâm là chuyển từ tư duy xử lý ngắn hạn sang chủ động nghiên cứu chính sách từ sớm, từ xa, từ thực tiễn.

c) Số hóa quy trình xây dựng, theo dõi và giám sát văn bản

Số hóa toàn bộ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, từ đề xuất chính sách, giao nhiệm vụ, soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, trình ban hành đến theo dõi hiệu lực và rà soát sửa đổi. Hệ thống số hóa phải hướng tới quản trị văn bản bằng dữ liệu và có khả năng liên thông với nền tảng pháp luật quốc gia.

d) Gắn xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành thông qua quản trị vòng đời văn bản

Ngay từ khâu đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì phải xác định mục tiêu, đối tượng tác động, điều kiện bảo đảm thi hành, nguy cơ vướng mắc và tiêu chí đo lường hiệu quả. Mỗi văn bản sau ban hành cần có kế hoạch theo dõi thi hành để kịp thời phát hiện bất cập và đề xuất điều chỉnh.

đ) Chuyên nghiệp hóa xây dựng chính sách, đánh giá tác động và lựa chọn chính sách

Từng bước chuyên nghiệp hóa công tác xây dựng chính sách trên cơ sở dữ liệu lớn, phân tích định lượng và sự tham gia của viện nghiên cứu, chuyên gia, nhà khoa học. Đến năm 2030, cần hoàn thiện quy trình, tiêu chí, biểu mẫu, cơ sở dữ liệu và cơ chế hợp tác dài hạn phục vụ phân tích chính sách.

e) Từng bước tập trung hóa công đoạn soạn thảo VBQPPL

Trước mắt đối với văn bản cấp luật và văn bản phức tạp, tại đơn vị có chuyên môn pháp chế. Giai đoạn 2027–2030 thí điểm mô hình tổ, nhóm soạn thảo chuyên sâu, liên đơn vị; sau năm 2030 tổng kết, chuẩn hóa quy trình và hình thành đội ngũ soạn thảo nòng cốt.

g) Đẩy mạnh truyền thông chính sách và đổi mới phương thức lấy ý kiến

Tăng cường truyền thông đối với chính sách có tác động lớn đến người dân, doanh nghiệp và xã hội. Nội dung truyền thông cần kịp thời, minh bạch, dễ hiểu, tạo đồng thuận và hỗ trợ hiệu quả quá trình tổ chức thi hành pháp luật.

Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp và đối tượng chịu tác động theo hướng thực chất, cầu thị, có khả năng lượng hóa tác động. Cần huy động hiệu quả chuyên gia, nhà khoa học, luật gia, luật sư, hiệp hội và doanh nghiệp tham gia phản biện, hoàn thiện chính sách.

h) Thực hiện nghiêm Quy định số 178-QĐ/TW

Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định số 178-QĐ/TW trong quá trình xem xét, thảo luận, quyết nghị các nội dung xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

3.3. Đảm bảo nguồn lực cho xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

a) Rà soát, từng bước chuẩn hóa đội ngũ công chức ngành Công Thương về kiến thức, kỹ năng trong xây dựng chính sách, pháp luật. Trọng tâm là chuẩn hóa đội ngũ pháp chế, phát triển nguồn nhân lực theo mô hình “hạt nhân – mạng lưới – chuyên gia”, thí điểm chế định luật sư công để xử lý các vụ việc pháp lý phức tạp, đồng thời đổi mới cơ chế tài chính theo hướng gắn kinh phí với sản phẩm, chất lượng và kết quả đầu ra.

Triển khai thí điểm chế định luật sư công theo Kết luận số 23-KL/TW phải theo hướng thí điểm có trọng tâm, có kiểm soát, không làm phát sinh bộ máy chồng chéo, không tăng biên chế, nhưng tạo được năng lực bảo vệ lợi ích Nhà nước một cách thực chất.

b) Bố trí nguồn lực tương xứng, thực hiện điều động, biệt phái công chức tham gia xây dựng pháp luật; gắn trách nhiệm xây dựng pháp luật với đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và nghiên cứu ban hành Bộ chỉ số đánh giá chất lượng công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật.

c) Thực hiện công tác thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi vào Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật.

d) Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho công chức làm công tác pháp chế, công chức làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật tại Bộ Công Thương;

đ) Triển khai công tác đánh giá, xếp loại chất lượng, khen thưởng, sử dụng cán bộ và có chế tài, biện pháp xử lý đối với người không thực hiện đầy đủ trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng pháp luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

e) Đảm bảo nguồn lực tài chính cho công tác xây dựng, thực thi pháp luật đầy đủ, kịp thời; thực hiện tốt cơ chế, chính sách tài chính đột phá cho công tác xây dựng pháp luật nhằm đảm bảo sự thay đổi về chất trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế của ngành Công Thương.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Danh mục nhiệm vụ và phân công tổ chức thực hiện

Danh mục nhiệm vụ chi tiết và phân công thực hiện Chiến lược hoàn thiện pháp luật ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

2. Về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

2.1. Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ

a) Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật của Bộ Công Thương; bảo đảm công tác xây dựng và thi hành pháp luật được đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng.

b) Chỉ đạo thực hiện thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, các chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, nhằm tạo lập khung khổ pháp

lý thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được giao cho ngành Công Thương.

c) Chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ và các cơ quan tham mưu của Đảng ủy Bộ theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra, tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Chiến lược; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh tình trạng buông lỏng lãnh đạo, thiếu quyết liệt trong tổ chức thực hiện hoặc để xảy ra khoảng trống pháp luật, chậm thể chế hóa chủ trương của Đảng.

2.2. Đối với các đơn vị thuộc Bộ

2.2.1. Vụ Pháp chế

a) Chủ trì tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược; là đầu mối theo dõi chung về thể chế, pháp luật của Bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch hàng năm, dài hạn thực hiện Chiến lược ngay sau khi được thông qua; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL ngành Công Thương; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp;

c) Thường xuyên đôn đốc, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ triển khai các nhiệm vụ xây dựng, trình ban hành văn bản QPPL đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng; theo dõi chương trình lập pháp, danh mục nhiệm vụ lập pháp, danh mục đề án theo Kế hoạch;

d) Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, chủ trì sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chiến lược, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng; tham mưu điều chỉnh, cập nhật nhiệm vụ khi có thay đổi lớn về bối cảnh hoặc yêu cầu mới từ thực tiễn.

2.2.2. Văn phòng Bộ

a) Phối hợp với Vụ Pháp chế theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược phục vụ công tác quản lý, điều hành chung của Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ;

b) Tạo mọi điều kiện thuận lợi theo quy định của pháp luật để đảm bảo các nguồn lực cần thiết cho công tác xây dựng thể chế, pháp luật của Bộ Công Thương.

2.2.3. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp

a) Chủ trì cùng Vụ Pháp chế theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong Chương trình công tác của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ.

b) Chủ trì tham mưu việc phân bổ kinh phí, giao dự toán ngân sách nhằm tổ chức thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

c) Chủ trì tham mưu cho Lãnh đạo Bộ dành ưu tiên cao nhất việc bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ xây dựng thể chế, pháp luật để hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược.

2.2.4. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Chủ trì tham mưu việc bố trí nguồn nhân lực, điều động, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác xây dựng pháp luật, công tác pháp chế hiệu quả trong ngắn hạn và căn cơ trong dài hạn.

b) Phối hợp với Vụ Pháp chế xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng gắn với kết quả xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật;

c) Phối hợp với Vụ Pháp chế nghiên cứu, tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Lãnh đạo Bộ cơ chế sử dụng, thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi vào Bộ theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp triển khai Đề án phát triển chế định luật sư công trong ngành Công Thương theo lộ trình không làm phát sinh biên chế, từng bước nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của đội ngũ.

2.2.5. Các đơn vị có chức năng quản lý nhà nước thuộc Bộ

a) Cấp ủy, người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ là hạt nhân quan trọng nhất, trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng về tổ chức thực hiện Chiến lược thuộc phạm vi quản lý;

b) Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai Chiến lược theo phân công;

c) Tập trung rà soát nguồn nhân lực xây dựng thể chế, pháp luật tại đơn vị; phối hợp chặt chẽ với Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực tham mưu, xây dựng, tổ chức thi hành chính sách, pháp luật trong ngắn hạn và dài hạn;

d) Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm trong xây dựng và thi hành pháp luật; thường xuyên đánh giá hiệu quả, tính khả thi, tính đồng bộ, thống nhất của văn bản sau ban hành.

2.2.6. Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, các viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ

a) Tích cực nghiên cứu, cung cấp cơ sở lý luận, cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Bộ Công Thương; nhất là trong các lĩnh vực mới, khó, liên ngành, hội nhập sâu.

b) Chủ động đề xuất, tham gia phản biện, góp ý chính sách; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để trực tiếp tham gia các tổ soạn thảo, tổ biên tập, hội đồng tư vấn, hội thảo, tọa đàm, khảo sát, tham vấn theo tinh thần khoa học thực chứng, khách quan, ứng dụng khoa học dữ liệu; tăng cường nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế phục vụ nội luật hóa và đổi mới mô hình pháp lý của ngành.

c) Chủ động đề xuất các đề tài, chương trình nghiên cứu chính sách phục vụ việc hoàn thiện các khuôn khổ pháp lý, hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, cơ chế chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, quản trị rủi ro trong quản lý nhà nước, quản trị quốc gia ngành Công Thương.

Nghị quyết này được phổ biến đến các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức quán triệt và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Ủy viên BTV ĐUB,
- Đảng ủy, chi bộ trực thuộc,
- Đảng ủy Chính phủ (để b/c),
- Lưu VPĐUB, PC.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Lê Mạnh Hùng